**Phân biệt Đúng/Sai các câu sau: (Thuốc hormon)**

16.33. Tính acid của glibenclamide mạnh, định lượng được bằng phương pháp

acid-base (trong ethanol); NaOH 0,1M; chỉ thị phenolphtalein

16.34. Repaglinid là thuốc kích thích tế bào bêta cấu trúc sulfonylurê.

16.35. Bảo quản các chế phẩm insulin ở nhiệt độ 25-30oC.

16.36. Glimepiride làm tăng hoạt tính insulin, chống đái tháo đường.

16.37. Glipizid là thuốc chống đái tháo đường tác dụng phụ thấp.

16.38. Uống đơn độc rogiglitazon không hiệu quả hạ đường/máu.

16.39. Cấp cứu đái tháo đường typ I phải tiêm insulin tác dụng nhanh.

16.40. Repaglinid kích thích tế bào β tăng tiết insulin làm hạ đường huyết.

16.41. Uống acarbose cùng tiêm insulin sẽ giảm hiệu quả trị đái tháo đường.

16.42. Đun chlorpropamid trong NaOH 10% có hơi NH3 bay ra.

16.43. Nên định lượng glipizide trong viên 2,5 mg bằng quang phổ UV.

16.44. Chữa đái tháo đường typ II uống tối đa 50 mg repaglinid /lần.

16.45. Uống đơn độc glipizid không hiệu quả hạ mức glucose /máu.